

马赫根尼

公皮

MAR26 2025 - 2026

顺序号	Qty	说明	价格		
* * * * * * 330001 *	* * * * * 265 *	20 X深 S 天鹅绒1	C2		
* * 330002 * * * * * * * * * *	176	441 Skins		* * * * * * *	
330003	250	20 X深 S 天鹅绒1	C3		

马赫根尼

母皮

MAR26 2025 - 2026

顺序号	Qty	说明	价格		
430001	168	1 SR 2X深 天鹅绒1	C1		
430002	154	1 SR 黑皮 天鹅绒1	C1/C2		

马赫根尼

母皮

MAR26 2025 - 2026

顺序号	Qty	说明	价格		
430061	283	2 S 2X深 天鹅绒1	C2		

马赫根尼

母皮

MAR26 2025 - 2026

顺序号	Qty	说明	价格		
430121	144	0 SR X深/深	C2		

马赫根尼

母皮

MAR26 2025 - 2026

顺序号	Qty	说明	价格		
430181	143	1 X深 SI	C1/C2		
430182	151	1 2X深 S	C1		
430183	249	1 2X深 S	C3		